CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP May mặc Bình Dương

Ngày 30/09/2024	35,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.3%	**12.3%**	**17.9%**

DT thuần
Q3/24
505
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 54.0| 12.0%
YoY: ▲ 72.0| 16.7%

LN thuần
Q3/24
36.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.30| -20.4%
YoY: ▼2.80| -7.2%

LN sau thuế
Q3/24
31.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.30| -22.5%
YoY: ▲ 1.40| 4.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
8.1%
YoY: +/-▼ 3.0%

ROE (TTM)
Q3/24
27.0%
YoY: +/-▼ 0.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	24,223 - 37,503
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	880
Số lượng CPLH (CP)	24,799,920
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,010
Sở hữu nước ngoài	1.4%
Beta	0.47
EPS	5,882
P/E	6.0

DT thuần
9T 2024
1,311
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 137| 11.7%

LN thuần
9T 2024
109
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.7| 28.1%

LN sau thuế
9T 2024
95.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.7| 36.9%

Cơ cấu sở hữu

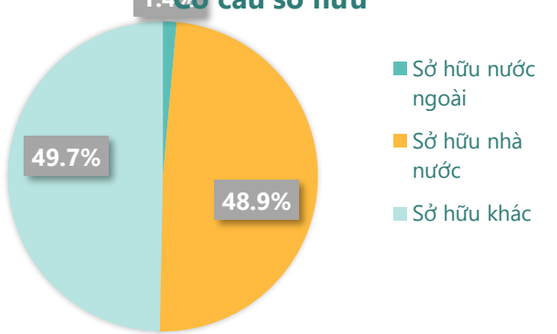

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

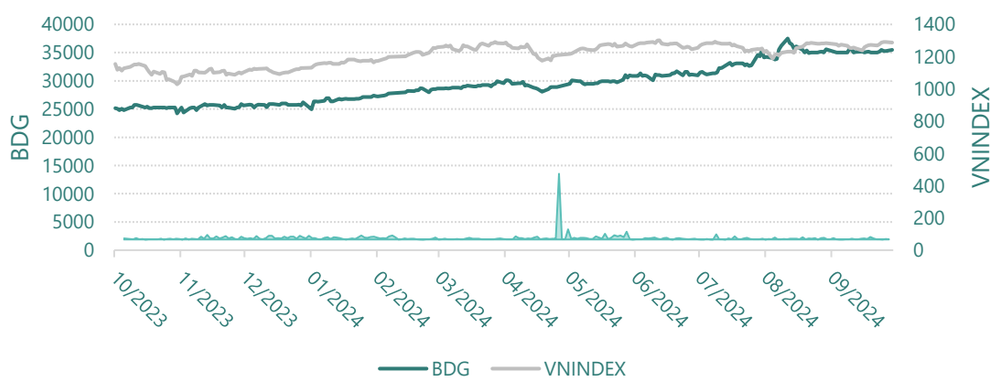

Cơ cấu cổ đông

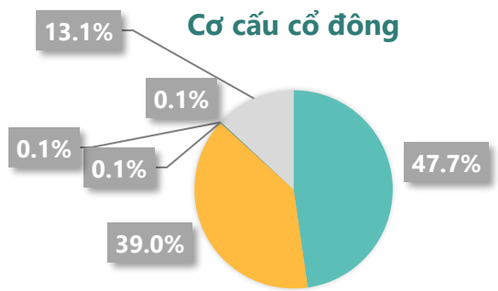

- Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương
- Nguyễn Thị Trúc Thanh (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Xuân Quân (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Hồng Anh (Thành viên HĐQT)

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

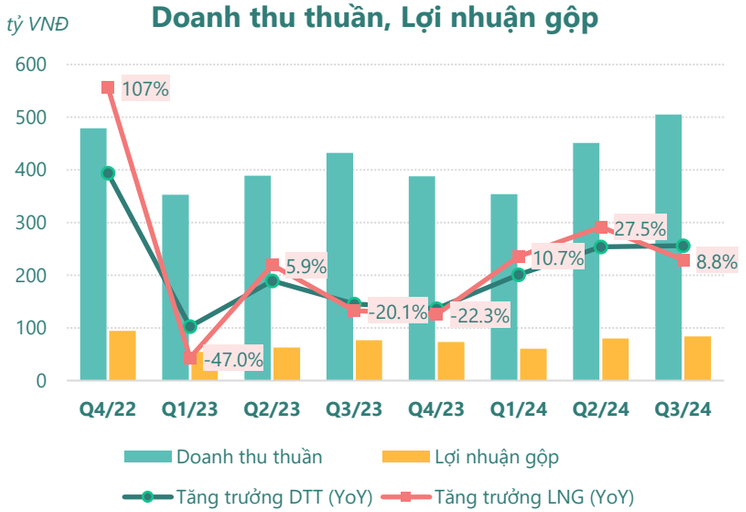

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

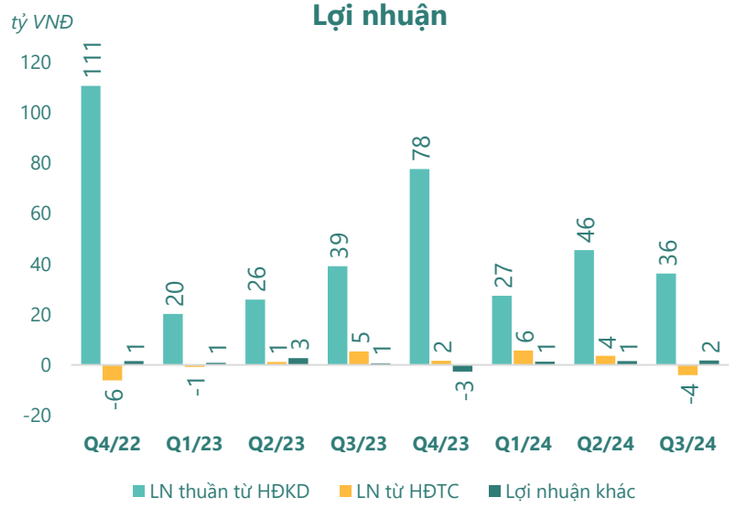

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

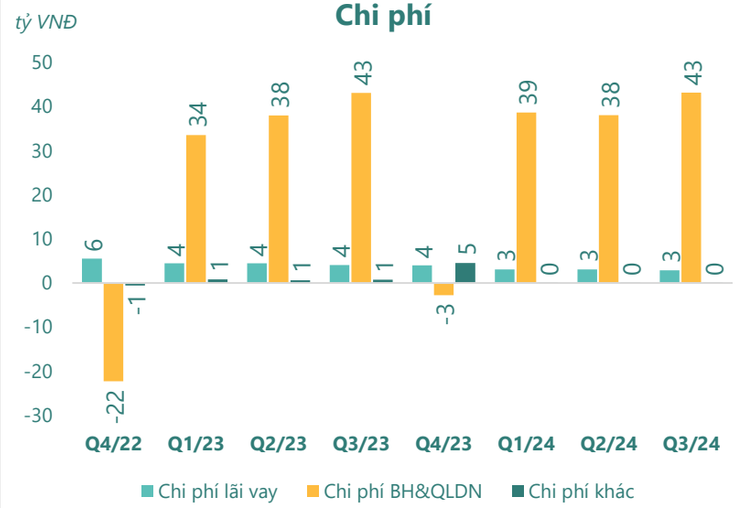

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

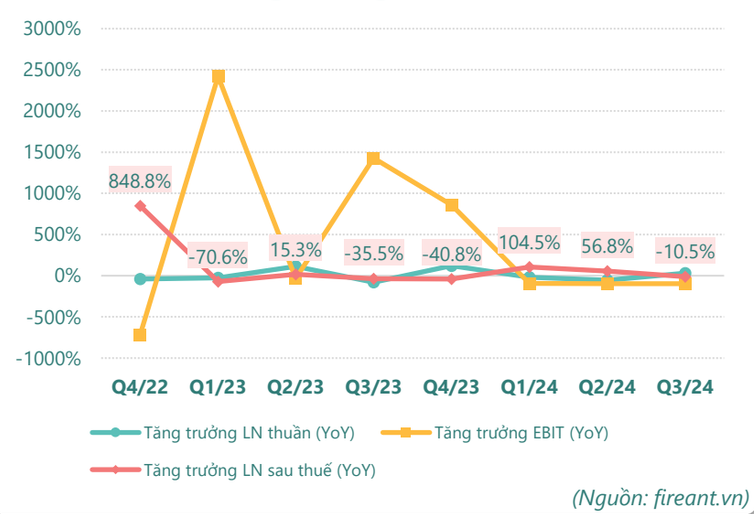

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

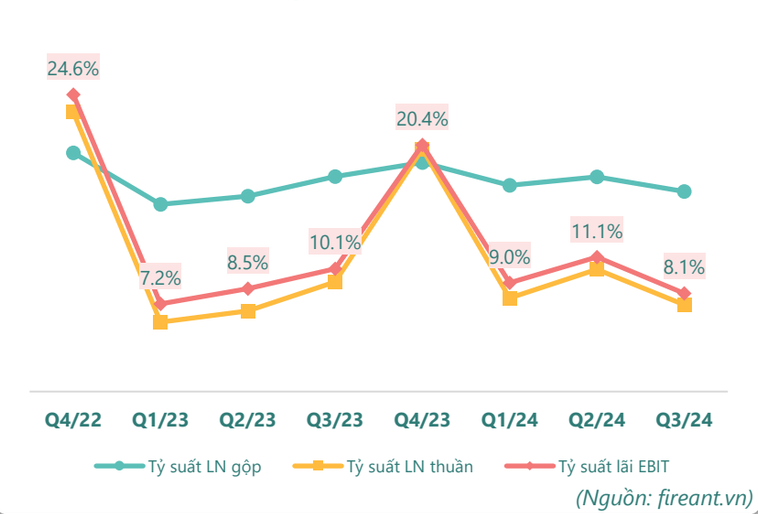

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

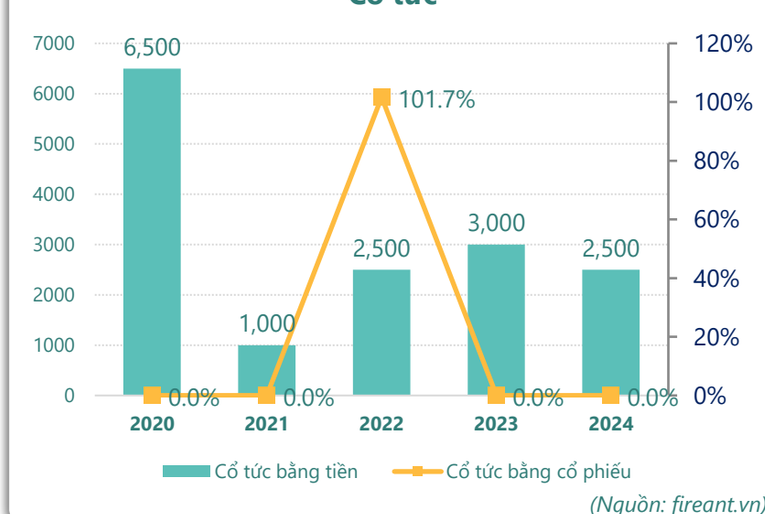

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

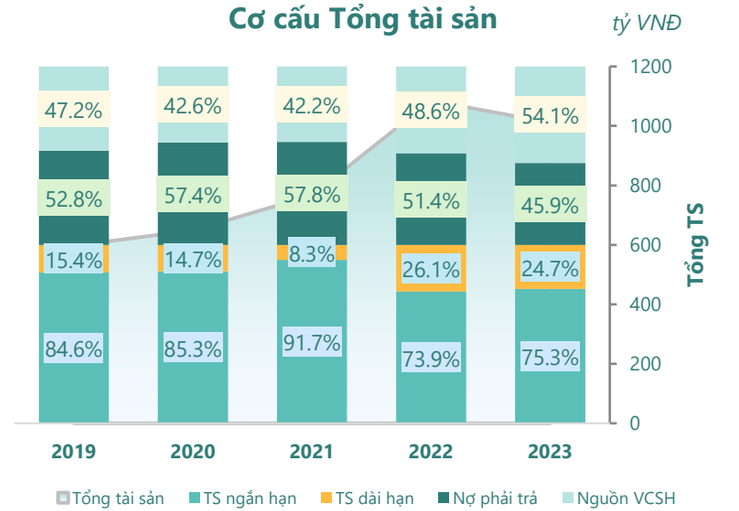

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

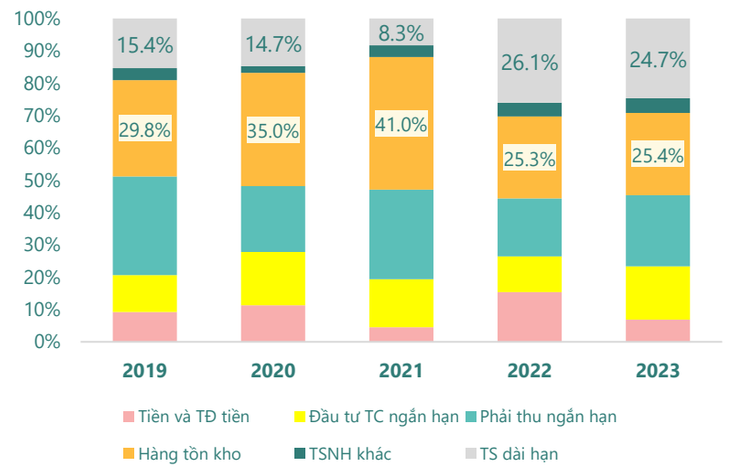

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

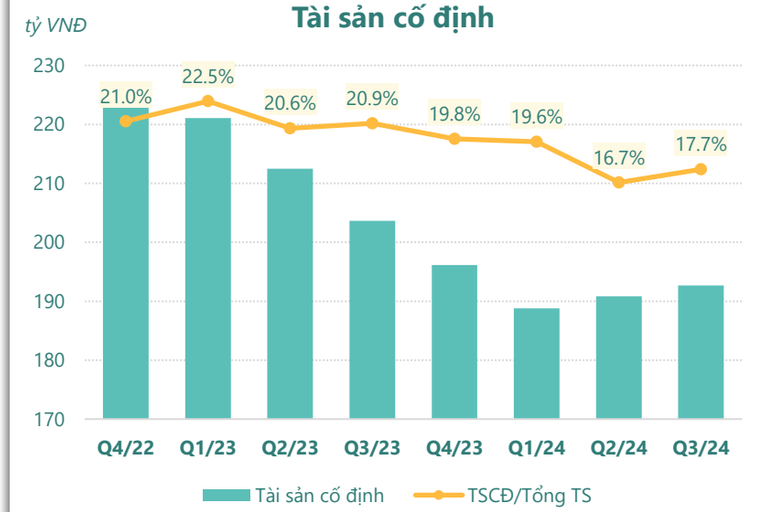

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

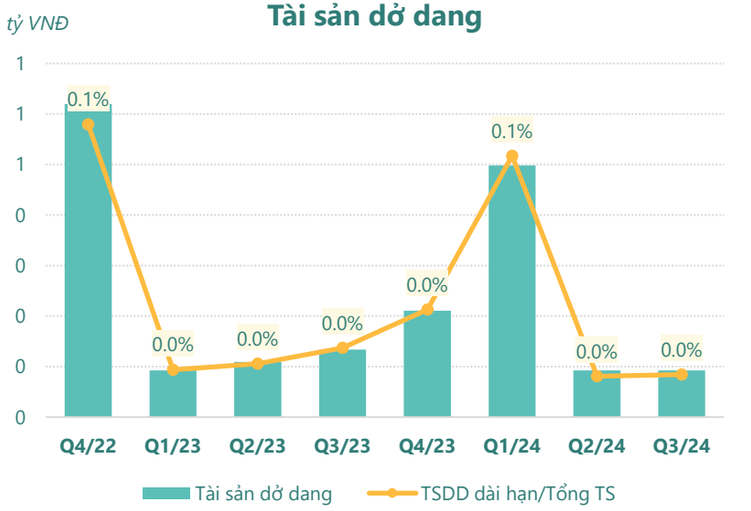

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

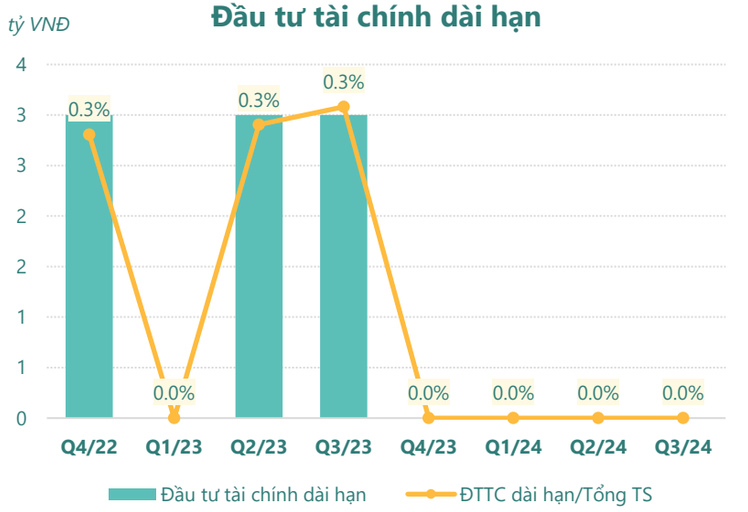

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

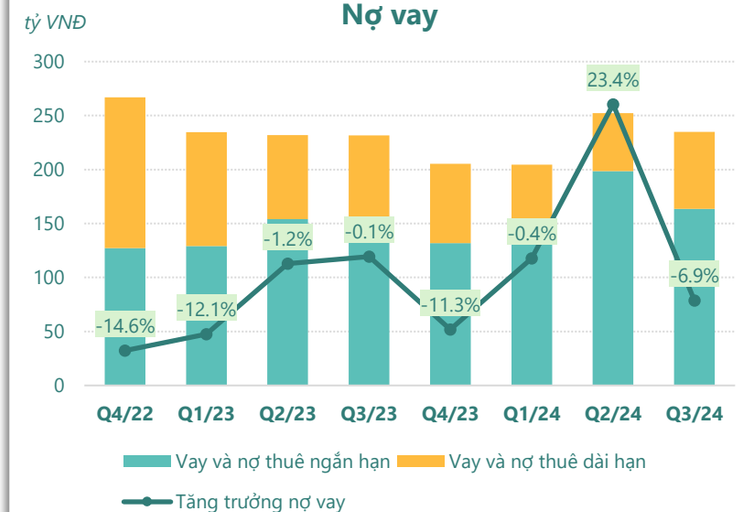

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

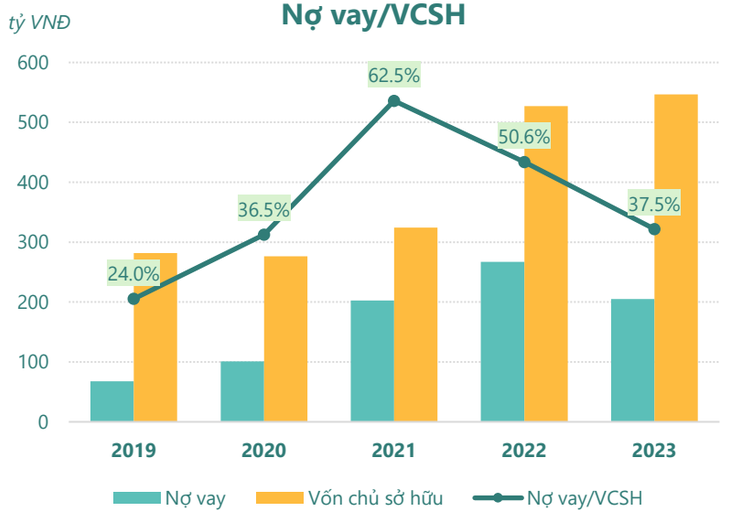

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

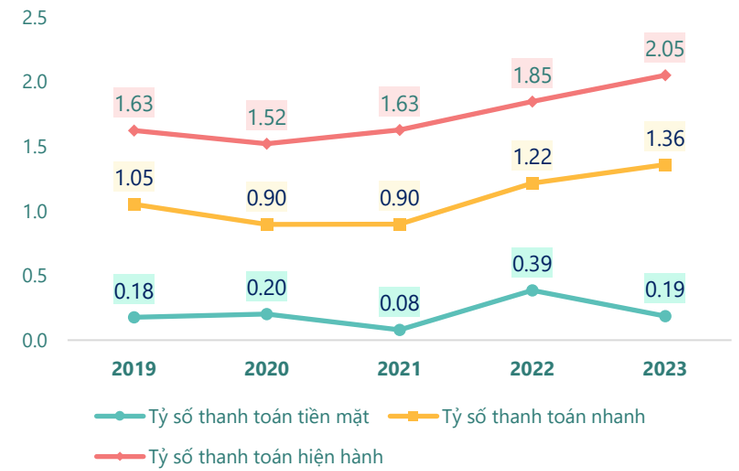

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

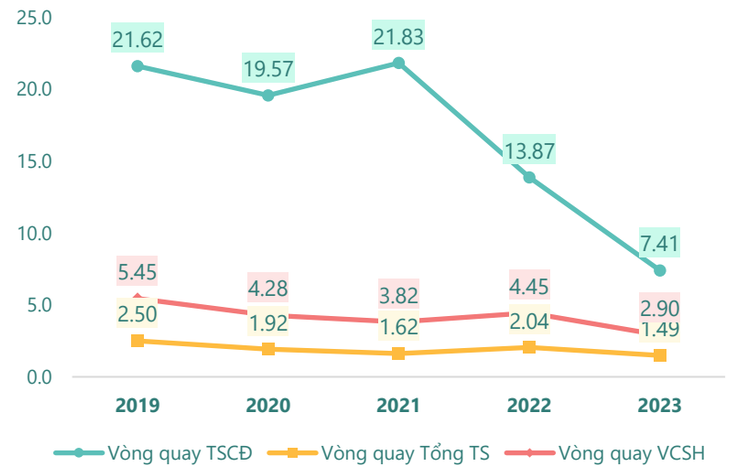

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

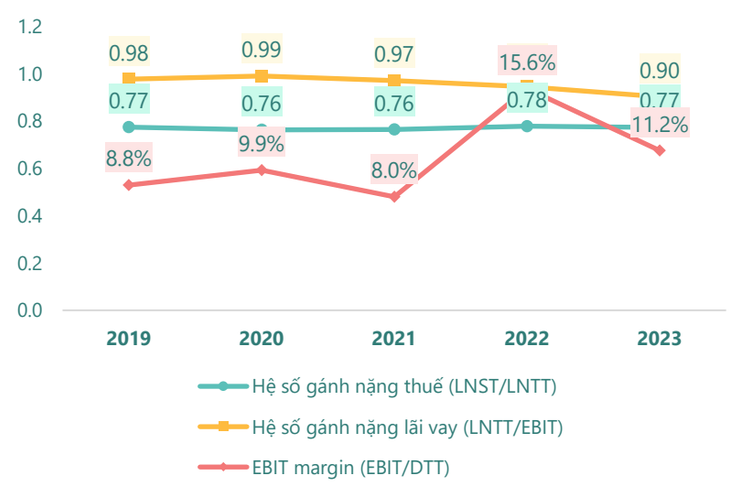

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

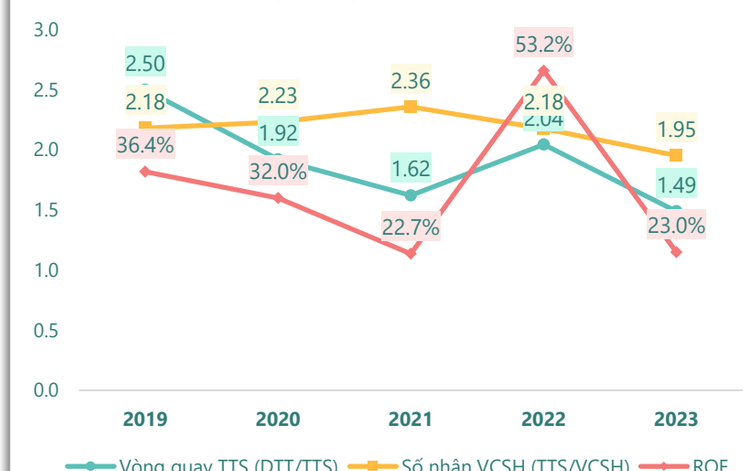

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

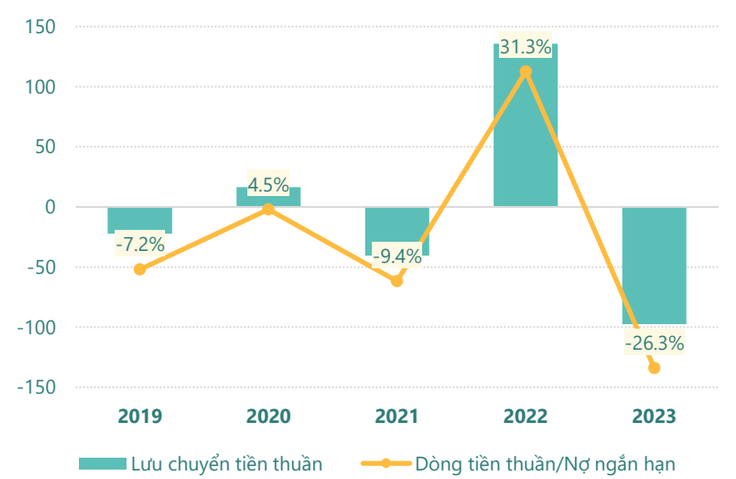

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**505**	**433**	**16.7%**	**1,311**	**1,174**	**11.7%**
Giá vốn hàng bán	422	356	18.5%	1,086	980	10.9%
Lợi nhuận gộp	83.6	76.9	8.7%	224	194	15.4%
Doanh thu HĐTC	11.7	14.0	-16.7%	35.1	32.7	7.2%
Chi phí TC	15.8	8.68	81.6%	30.0	27.0	10.9%
Chi phí lãi vay	2.87	4.08	-29.7%	9.03	13.0	-30.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.67	4.07	14.8%	12.9	15.4	-16.6%
Chi phí QLDN	**38.5**	**39.0**	**-1.2%**	**107**	**99.2**	**7.9%**
LN thuần từ HĐKD	36.3	39.1	-7.2%	109	85.3	28.1%
Lợi nhuận khác	**1.80**	**0.64**	**181%**	**4.60**	**4.17**	**10.3%**
LN trước thuế	38.1	39.8	-4.3%	114	89.5	27.3%
Lợi nhuận sau thuế	**31.9**	**30.5**	**4.7%**	**95.5**	**69.8**	**36.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**28.7**	**30.7**	**-6.6%**	**87.7**	**71.6**	**22.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.6	75.6	33.9	9.92	34.9	44.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.18	0.96	-34.1	98.3	-118	-16.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.73	-74.7	-41.0	-1.39	47.9	-79.0
Tiền đầu kỳ	97.4	112	115	69.6	177	141
Lưu chuyển tiền thuần	**14.7**	**1.78**	**-41.2**	**107**	**-35.1**	**-51.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.20	1.02	-1.22	0.21	-0.20	-0.90
Tiền cuối kỳ	112	115	72.7	177	141	88.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,091**	**1,012**	**7.9%**
Tài sản ngắn hạn	847	762	11.1%
Tiền và tương đương tiền	88.7	69.6	27.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	192	167	15.4%
Phải thu ngắn hạn	263	223	18.2%
Hàng tồn kho	255	257	-0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	47.7	45.9	4.0%
Tài sản dài hạn	**244**	**250**	**-2.1%**
Phải thu dài hạn	0.52	0.40	30.0%
Tài sản cố định	193	196	-1.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.09	0.21	-56.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**34.5**	**34.6**	**-0.2%**
Lợi thế thương mại	16.7	18.3	-9.1%
Nợ phải trả	520	465	11.8%
Nợ ngắn hạn	**431**	**371**	**16.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	164	134	22.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	126	131	-4.0%
Nợ dài hạn	88.5	93.5	-5.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	71.4	71.4	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**572**	**547**	**4.6%**
Vốn chủ sở hữu	**572**	**547**	**4.6%**
Vốn điều lệ	248	248	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)